

CÔNG KHAI
ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
(Theo Điều 8, Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT)

I. THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

Biểu 01

TT	Nội dung	Biên chế giao năm 2025 (TB: 212/TB-UBND, ngày 21/4/2025)			Số biên chế hiện có			Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				Xếp loại thi đua			Đào tạo bồi dưỡng hàng năm
		Tổng số	Biên chế hưởng lương ngân sách	Hợp đồng theo NĐ 111	Tổng số	Biên chế hưởng lương ngân sách	Hợp đồng theo NĐ 111	TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Hoàn thành xuất sắc NV	Hoàn thành tốt NV	Hoàn thành NV	
I	Lãnh đạo, quản lý	03	03		03	03			03					03				03				01	02		03
1	Hiệu trưởng	01	01		01	01			01					01				01					01		01
2	Phó hiệu trưởng	02	02		02	02			02					01				01				01	01		02
II	Vị trí việc làm chuyên ngành	48	46	02	48	46	02		01	47				02	28	16		41	05			09	39		48
1	Giáo viên văn hoá	37	37		37	37			01	36				02	25	11		34	03			08	29		37
2	Trong đó số GV chuyên biệt:	11	09	02	11	09	02			11					03	05		07	02			01	10		11
2.1	Tiếng dân tộc																								



2.2	Ngoại ngữ	04	03	01	03	03	01			03					01	02		03					03		04
2.3	Tin học	01	01		01	01			01							01			01				01		01
2.4	Âm nhạc	01	01		01	01			01						01			01					01		01
2.5	Mỹ thuật	02	02		02	02			02						01			02				01	01		02
2.6	Tổng phụ trách	01	01		01	01			01							01		01					01		01
2.7	Giáo dục thể chất	02	01	01	02	01	01		01							01			01				02		02
III	Nhân viên - Vị trí việc làm dùng chung	02	02		02	02			02							01	01						02		02
1	Kế toán - văn thư	01	01		01	01			01							01							01		02
2	Thư viện	01	01		01	01			01								01						01		
3	Y tế - Thủ quỹ																								
IV	Tổng số người làm việc(I+II+III)	53	51	02	53	51	02		04	49					05	28	17	01	44	05			10	43	53
V	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ						05						05												
1	Nhân viên lao công						03						03												
2	Nhân viên bảo vệ						03						03												
3	Nhân viên phục vụ bán trú																								

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

- Cán bộ quản lý (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng): 03 đạt chuẩn 100%;
- Giáo viên: Đạt chuẩn: 46/46 (100%).

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định(Biểu 01):

- Cán bộ quản lý (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng): đạt 03/03 (100%);
- Giáo viên, nhân viên: đạt 46/46 (100%).

II. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất:

STT	Chỉ số đánh giá	Diện tích đất (m ²)	Yêu cầu tối thiểu theo quy định
1.	Diện tích đất trường học (m ²)	2187 (m ²)	2,15 m ² /học sinh (Không đạt)
2	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1100 (m ²)	1,08 m ² /học sinh (Không đạt)

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân (Số m ² /HS)
I	Số phòng học/số lớp	28/28	1,24 m ² /HS
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	28	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	2187	2,15

V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1100	1,08
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1276	1,25
2	Diện tích thư viện (m ²)	35	0,9
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	44	1,2
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	0	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	20	2,0
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	20	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
VI	Nhà bếp	80(m ²)
VII	Nhà ăn	0(m ²)

	Nội dung	Số lượng phòng	Tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
VIII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	19	800 m ²	780	1,02 m ²
IX	Khu nội trú				

X	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	16	1	20	5	100	5	100

2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*								
---	-------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XV	Tường rào xây	x	

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

I	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	28	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	17	17/28
1.1	Khối lớp 1	06	6/5
1.2	Khối lớp 2	05	5/6
1.3	Khối lớp 3	06	6/6
1.4	Khối lớp 4	0	0/5
1.5	Khối lớp 5	0	0/6
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	12	12
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	01	01
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	05	05
2.5	Khối lớp 5	06	06
II	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	59 bộ	0,7 bộ/1HS

	- 01 phòng Tin học - 28 phòng học - Máy tính xách tay	29 bộ 28 bộ 02 bộ	
III	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	30 cái	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01 cái	
5	Máy phô tô	01 cái	
6	Máy in	08 cái	
7	Âm li	03 cái	
8	Loa	04 cái	

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông”; Công văn số 480/SGDĐT-GDTH, ngày 20/02/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng “V/v hướng dẫn lựa chọn sách giáo khoa từ năm học 2024-2025”; Công văn số 24/PGDĐT-TH, ngày 23/02/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Ngô Quyền “V/v hướng dẫn, nghiên cứu lựa chọn sách giáo khoa từ năm học 2024-2025”; Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn thành lập Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa ; chỉ đạo các Tổ chuyên môn nghiên cứu, đánh giá và đề xuất lựa chọn các bản sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường năm học 2024-2025 ; Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa đã tiến hành họp đánh giá việc tổ chức lựa chọn các bản sách giáo khoa của các tổ chuyên môn, thẩm định biên bản họp tổ chuyên môn và các phiếu nhận xét, đánh giá các bản sách giáo khoa của các giáo viên tham gia lựa chọn sách để sử dụng trong nhà trường năm học 2024-2025 và đã lập danh mục sách giáo khoa mà nhà trường thống nhất đề xuất lựa chọn về Phòng Giáo dục và Đào tạo quận.

Thực hiện Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng “Quyết định phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 3 (bổ sung), lớp 4 (bổ sung), lớp 5, lớp 9, lớp 12 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024-2025”;

Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn trân trọng thông báo tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và các em học sinh danh mục Sách giáo khoa lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 nhà trường lựa chọn để thực hiện giảng dạy trong nhà trường năm học 2025 - 2026 như sau:

1. Danh mục sách giáo khoa lớp 1

STT	Tên SGK	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 1	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hoà Bình, Hoàng Thị Minh Hương, Trần Mạnh Hưởng, Nguyễn Thị Ly Kha, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tĩnh.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
2	Toán 1	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
3	Đạo đức 1	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Vân Hương, Trần Thị Tố Oanh.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Nguyễn Th Trang	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
5	Giáo dục Thể chất 1	Đặng Ngọc Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Công Trường.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
6	Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Mĩ thuật 1	Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Đông (Chủ biên), Nguyễn Hải Kiên, Nguyễn Minh Quang.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Quang Tiệp, Ngô Quang Quế.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
9	Tiếng Anh 1 (I - learn smart start)	Nguyễn T Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Nguyễn D Hoài Thương, Nguyễn T Uyên Sa, Nguyễn H Thiên Ý.	NXB ĐHSP TP HCM	

(Danh mục gồm 09 sách giáo khoa lớp 1)

2. Danh mục sách giáo khoa lớp 2

STT	Tên SGK	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng-Trần Hiền Lương (đồng chủ biên), Lê Lan Anh, Vũ T Lan, Nguyễn T Ngọc Minh, Trần Kim Phụng, Đặng T Hào Tâm.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Tự nhiên và Xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thần (chủ biên), Đào Thị hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tinh.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Hoàng Anh, Ng Ngọc Dung, Lê T Tuyết Mai	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng chủ biên), Lê Anh Sơn (chủ biên), Nguyễn T Hà, Vũ T Hồng Thu, Vũ T Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền, Phạm Mai Vương.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Ng Thụy Anh, N Thanh Bình (đồng Chủ biên), Nguyễn T Thanh Bình, Bùi T Hương Liên, Lê T Luận, Trần T Tổ Oanh, Trần Thị Thu	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ T Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Mai Linh Chi, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn T Thanh Vân	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Mĩ thuật 2	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hải Kiên (Chủ biên), Phạm Đình Bình, Nguyễn Thị Huyền.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
9	Tiếng Anh 2 (I - learn smart start)	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương.	NXB ĐHSP TP HCM	

(Danh mục gồm 09 sách giáo khoa lớp 2)

3. Danh mục sách giáo khoa lớp 3

STT	Tên SGK	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Ng Ngọc Dung, Ng Thị Việt Hà.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Th Hương, Lê Xuân Quang, Ng Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Ng Thanh Trịnh.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Giáo dục Thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn T Huyền, Ng Hải Kiên.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
9	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Tiếng Anh 3 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	NXB ĐHSP TP HCM	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Tin học 3	Trần Trung (Chủ biên), Trịnh Thị Phương Thảo, Chu Vĩnh Quyên, Nguyễn Thị Thu Phương, Nguyễn Phát Tài, Đào Thị Thêm.	NXB ĐH Vinh	

(Danh mục gồm 11 sách giáo khoa lớp 3)

4. Danh mục sách giáo khoa lớp 4

STT	Tên SGK	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	LS&ĐL 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống

STT	Tên SGK	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
7	Giáo dục Thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tổ Oanh	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hải Kiên.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
11	Tiếng Anh 4 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	NXB ĐHSP TP HCM	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Tin học 4	Cao Hồng Huệ (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Phương, Nguyễn Phát Tài, Đào Thị Thêm, Lê Minh Tuấn.	NXB ĐH Vinh	Kiến tạo công dân toàn cầu

(Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 4)

5. Danh mục sách giáo khoa lớp 5

STT	Tên SGK	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống

STT	Tên SGK	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Ian Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hào Tâm.		
2	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	LS&ĐL 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Giáo dục Thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn	NXB GDVN	Kết nối tri thức

STT	Tên SGK	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.		với cuộc sống
8	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga	NXB GDVN	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Mĩ thuật 5	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hải Kiên.	NXB ĐHSP TP HCM	Cánh Diều
11	Tiếng Anh 5 Global Sucess	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn	NXB ĐHSP TP HCM	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Tin học 5	Cao Hồng Huệ (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Phương, Nguyễn Phát Tài, Nguyễn Thị Thu Trà.	NXB ĐH Vinh	Kiến tạo công dân toàn cầu

(Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 5)

6. Danh mục xuất bản phẩm tham khảo.

STT	TÊN XUẤT BẢN PHẨM (Tên tài liệu, đồ dùng...)	TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN (Đơn vị sản xuất)
LỚP 1			
1	VBT Tiếng Việt (tập 1, 2)	Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên)	NXB ĐHSP TP HCM
2	VBT Toán tập 1 (tập 1, 2)	Đỗ Đức Thái (Chủ biên)	Nhà xuất bản ĐHSP
3	Bộ đồ dùng Toán + Tiếng Việt 1		Công ty CPSX dịch vụ và TM Xuân Phát.

4	VBT Tiếng Anh (I-learn Smart Start)	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên)	NXB ĐHSP TP HCM
LỚP 2			
1	Vở Thực hành toán 2 (tập 1, 2)	Lê Anh Vinh (Chủ biên)	Nhà xuất bản GDVN
2	Vở Bài tập Tiếng Việt 2 (tập 1, 2)	Trần T Hiền Lương (Chủ biên)	Nhà xuất bản GDVN
3	VBT Tiếng Anh (I-learn Smart Start)	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên)	NXB ĐHSP TP HCM
LỚP 3			
1	Vở Thực hành toán 3 (tập 1, 2)	Lê Anh Vinh (Chủ biên)	Nhà xuất bản GDVN
2	Tiếng Việt 3 (buổi 2)	Trần T Hiền Lương (Chủ biên)	Nhà xuất bản GDVN
3	VBT Tiếng Anh (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
LỚP 4			
1	Vở Thực hành Toán (tập 1, tập 2)	Lê Anh Vinh (Chủ biên)	Nhà xuất bản GDVN
2	Vở Bài tập Tiếng Việt (tập 1, 2)	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)	Nhà xuất bản GDVN
3	VBT Tiếng Anh (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên)	Nhà xuất bản GDVN
LỚP 5			
1	Vở Thực hành Toán (tập 1, tập 2)	Lê Anh Vinh (Chủ biên)	Nhà xuất bản GDVN
2	Vở Bài tập Tiếng Việt	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)	Nhà xuất bản GDVN
3	Vở Bài tập Lịch sử-Địa lí	Nguyễn Thị Thu Thủy – Trần Thị Hà Giang (Đồng Chủ biên)	Nhà xuất bản GDVN
4	Vở Bài tập Khoa học	Vũ Văn Hùng (Chủ	Nhà xuất bản GDVN

		biên)	
5	VBT Tiếng Anh (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên)	Nhà xuất bản GDVN

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		x		
Tiêu chí 1.1		x		
Tiêu chí 1.2		x		
Tiêu chí 1.3		x		
Tiêu chí 1.4		x		
Tiêu chí 1.5		x		
Tiêu chí 1.6		x		
Tiêu chí 1.7		x		
Tiêu chí 1.8		x		
Tiêu chí 1.9		x		
Tiêu chí 1.10		x		
Tiêu chuẩn 2			x	
Tiêu chí 2.1			x	
Tiêu chí 2.2			x	
Tiêu chí 2.3			x	
Tiêu chí 2.4			x	
Tiêu chuẩn 3		x		
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3		x		
Tiêu chí 3.4		x		
Tiêu chí 3.5		x		
Tiêu chí 3.6		x		

Tiêu chuẩn 4		X		
Tiêu chí 4.1		X		
Tiêu chí 4.2		X		
Tiêu chuẩn 5		X		
Tiêu chí 5.1		X		
Tiêu chí 5.2		X		
Tiêu chí 5.3		X		
Tiêu chí 5.4		X		
Tiêu chí 5.5		X		

Kết quả:

Đạt Mức 1: 23/27 tiêu chí

Đạt Mức 2: 04/27 tiêu chí (Tiêu chuẩn 2)

Trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 1

Tổng số tiêu chí đạt: 27/27.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm

Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn đã được công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 1 vào tháng 1/2023.

Nơi nhận:

- Trang TTĐT (CM Công khai);
- Lưu: Hồ sơ công khai.



Lê Thị Hoa